TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH T

CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 3 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Mai L**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn T**
Ông **Vũ Thành D**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh N** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Bà **Đinh Phương M** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Lê Kim T1, sinh năm 1992;
HKTT: Khu 1, xã T, huyện H, tỉnh T.
Chỗ ở hiện nay: Ký túc xá công ty S, Khu công nghiệp M, xã A, huyện Bế, tỉnh H.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự: Bà Luân Thị N – Luật sư Công ty TNHH G – Chi nhánh H
Đỉa chỉ: 88 đường Nguyễn C, phường Cẩm P, TP.H tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T2 – sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu 1, xã Tứ H, huyện H, tỉnh T.

(Chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T2, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Lê Kim T1 trình bày:

Chị tự nguyện kết hôn với anh Phạm Văn T2 vào ngày 24/9/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã K (nay là xã H), huyện H, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc chăm sóc con cái, chi tiêu trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã; anh T2 còn thường xuyên rượu trè, chơi bời cờ bạc, nợ nần chồng chất và ngoại tình. Đến năm 2019 vợ chồng cùng nhau vào khu công nghiệp M, xã A huyện B, tỉnh B làm việc nhưng anh T2 vẫn không thay đổi. Vì vậy, năm 2022 anh T2 quay về T sinh sống còn chị vẫn ở lại B sinh sống và làm việc. Vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay xác định không còn tình cảm nên chị xin ly hôn với anh Phạm Văn T2.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu P, sinh ngày 03/8/2013. Hiện nay cháu P đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Phạm Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình làm việc và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H đều thể hiện tình trạng hôn nhân như chị T1 trình bày. Sau khi anh T2 từ B về quê được một thời gian thì anh T2 xuống H làm ăn, vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh T2 hiện đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về nhà, các giấy tờ văn bản Tòa án gửi về anh T2 không có ở nhà, gia đình anh T2 không ai nhận thay.

Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T1 được ly hôn anh T2.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 03/8/2013 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Lê Kím T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Phạm Văn T2 - cư trú tại khu 1, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh T nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T2 tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc

dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Kim T1 kết hôn với anh Phạm Văn T2 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp bởi lẽ anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã K (nay là xã H) huyện Hạ Hòa, tỉnh T. Hai bên chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không có trách nhiệm với nhau. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi, không còn đời sống chung.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T1 xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T1 và anh T2 có có 01 con chung là cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 03/8/2013. Từ khi vợ chồng ly thân, chị T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo, vẫn đảm bảo cho cháu Bảo được sinh hoạt, ăn học ổn định và nguyện vọng của cháu Bảo khi chị T1 và anh T2 ly hôn là được ở cùng chị T1 . Do vậy, để đảm bảo tránh làm xáo trộn cuộc sống cho các cháu, cần giao cháu cho chị T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các cháu là hợp lý và phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Kim T1 được ly hôn với anh Phạm Văn T2.

2- Về con chung: Giao cho chị Lê Kim T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 03/8/2013. Anh Phạm Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1. Anh chị đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không giải quyết

4 - Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Kim T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0003169 ngày 13/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mai L

CƯỜNG VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai L

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã Gia Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mai L

CƯỜNG VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai L

TOÀ ÁN NHÂN DÂNCỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HẠ HÒAĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH T

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 6 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH T

- Cường phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Mai L**
Các hội thẩm nhân dân: …….
…….

Thư ký phiên tòa: …….– Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:* …….. - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi contheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỷ – sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 4, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh T.

Bị đơn: AnhNguyễn Văn Toàn – sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu 4, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh T.

(Chị Mỹ có mặt, anh Toàn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Lê Thị Mỷ trình bày:

Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn Toàn vào ngày 18/12/2013. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh T. Sau khi cưới cuộc sống chỉ hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở 8 năm nay, chấm dứt mọi quan hệ với anh Toàn, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay xác định không còn tình cảm nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Xuân; sinh ngày 08/03/2014. Hiện nay cháu đang ở với chị, ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Xuân và yêu cầu anh Toàn phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Nguyễn Văn Toàn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình làm việc với bố đẻ anh Toàn và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Gia Điền đều thể hiện chị Mỷ và anh Toàn kết hôn tự nguyện và có đăng ký theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị Mỷ về sống chung cùng gia đình anh Toàn. Vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2014 đến nay, chị Mỷ đã về nhà bố mẹ đẻ ở, và đi làm ăn vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Anh Toàn cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Tuy nhiên hiện nay, anh đang bận đi làm ăn không đến Tòa án làm việc và không ký biên bản được. Anh nhất trí ly hôn với chị Mỷ, để nghị Tòa án căn cứ và các quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thanh Xuân – sinh ngày 08/03/2014. Hiện nay cháu Xuân đang ở cùng với chị Mỷ. Sau ly hôn đề nghị giao chị Mỷ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Xuân tới khi cháu Cường niên.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mỷ được ly hôn anh Toàn.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh Xuân – sinh ngày 08/03/2014 cho chị Mỷ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Toàn phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Mỷ

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mỷ phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Toàn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Lê Thị Mỷ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn Toàn cư trú tại khu 4, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Toàn tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Toàn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỷ kết hôn với anh Nguyễn Văn Toàn năm 2013 là hôn nhân hợp pháp bởi lẽ anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh T. Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, yêu thương nhau do bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi nhau. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không có trách nhiệm với nhau. Xác minh tại chính quyền địa Thư và gia đình anh Toàn cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi, không còn đời sống chung.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Mỷ và anh Toàn đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Mỷ xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Mỷ và anh Toàn có 01 con chung là Nguyễn Thanh Xuân – sinh ngày 08/03/2014. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân, chị Mỷ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Xuân, vẫn đảm bảo cho cháu được sinh hoạt, ăn học ổn định. Anh Toàn đi làm xa, thường xuyên vắng nhà, thu nhập không ổn định. Do vậy, để đảm bảo tránh làm xáo trộn cuộc sống cho cháu, cần giao cháu cho chị Mỷ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc chị Mỷ yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mỷ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Toàn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mỷ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Toàn.

2- Về con chung: Giao cho cho chị Lê Thị Mỷ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thanh Xuân – sinh ngày 08/03/2014. Anh Toàn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mỷ số tiền là 750.000đ/ 1 tháng cấp dưỡng theo từng tháng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Xuân Cường niên. Anh Toàn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không giải quyết

4 - Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỷ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0004833 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị Mỷ đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn Toàn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Mỷ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Toàn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

CƯỜNG VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai L

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã Gia Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mai L

CƯỜNG VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai L